TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP.HCMCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA/BM: **MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 201..*

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**KINH TẾ MÔI TRƯỜNG**

**NGÀNH: KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG**

**I. Thông tin chung về học phần**

* Tên học phần: KINH TẾ MÔI TRƯỜNG
* Tên tiếng Anh: Environmental Economics
* Mã học phần: 212509
* Số tín chỉ: 2
* Điều kiện tham gia học tập học phần:

*Môn học tiên quyết:* KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG

*Môn học trước:* KINH TẾ ĐẠI CƯƠNG

* *Bộ môn*: Quản lý Môi trường
* *Khoa*: Môi trường và tài nguyên
* Phân bố thời gian: 10 tuần
* Học kỳ: 1 (năm thứ 4)

Học phần thuộc khối kiến thức:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Cơ bản □ | | Cơ sở ngành □ | | Chuyên ngành ⌧ | |
| Bắt buộc □ | Tự chọn □ | Bắt buộc □ | Tự chọn □ | Bắt buộc | Tự chọn ⌧ |

**Ngôn ngữ giảng dạy**: tiếng Anh □ Tiếng Việt ⌧

* + 1. **Thông tin về giảng viên:**
* Họ và tên: Nguyễn Kim Huệ
* Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
* Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Quản lý môi trường – Khoa Môi trường và Tài nguyên – Đại học Nông Lâm Tp.HCM
* Địa chỉ liên hệ: Khoa Môi trường và Tài nguyên, Trường Đại học Nông Lâm Tp.HCM, Khu phố 6, Linh Trung, Thủ Đức, Tp.HCM
* Điện thoại, email: huenk@hcmuaf.edu.vn
* Các hướng nghiên cứu chính: *Môi trường & phát triển bền vững; quản lý môi trường công nghiệp - nông nghiệp; Xử lý chất thải; Đánh giá tác động môi trường xã hội; Kinh tế môi trường; Kinh tế tài nguyên.*
* Thông tin về trợ giảng/ giảng viên cùng giảng dạy (nếu có) (họ và tên, điện thoại, email): Bùi Thị Cẩm Nhi
  + 1. **Mô tả học phần:**

*Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về các khái nhiệm của kinh tế môi trường, bao gồm* mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và vấn đề môi trường, các nguyên nhân gây ra suy thoái môi trường dưới góc nhìn của kinh tế học; và một số công cụ kinh tế có thể sử dụng để quản lý môi trường như thuế, phí, trợ giá ô nhiễm, hạn ngạch phát thải,..

* + 1. **Mục tiêu và chuẩn đầu ra**

Mục tiêu: Sau khi hoàn tất học phần này, sinh viên có thể áp dụng công cụ kinh tế để phục vụ cho công tác quản lý môi trường của một tổ chức. Ngoài ra học phần còn nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về phân tích lợi ích – chi phí của một dự án, một quyết định.

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau: *(Bảng thể hiện sự đóng góp của mỗi học phần cho PLOs của CTĐT, trích từ mẫu 5.4).*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | | | | | | | | | | | |
| 212509 | KINH TẾ MÔI TRƯỜNG | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
| H | S | S | N | S | H | S | H | S | N | N | H | S | H | N | N |

Ghi chú:

*N : Không đóng góp/không liên quan*

*S : Có đóng góp/liên quan nhưng không nhiều*

*H : Đóng góp nhiều/liên quan nhiều*

* Chuẩn đầu ra của học phần (*theo thang đo năng đo năng lực của Bloom*):

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ký hiệu** | **Chuẩn đầu ra của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được** | **CĐR của CTĐT** |
| **Kiến thức** | | |
| CLO1 | Hiểu một số khái niệm cơ bản về kinh tế vi mô, mối quan hệ giữa kinh tế và môi trường, các nguyên nhân gây suy thoái môi trường và các vấn đề về kinh tế có liên quan. | PLO1,2, 3, 5 |
| CLO2 | Ứng dụng được một số công cụ kinh tế trong quản lý môi trường như: thuế, phí, trợ giá ô nhiễm, hạn ngạch phát thải, … | PLO6, 12 |
| CLO3 | Ứng dụng được các công cụ dùng để đánh giá tài nguyên môi trường. | PLO6, 12 |
| **Kĩ năng** | | |
| CLO4 | Tăng cường kỹ năng làm việc nhóm, khả năng giao tiếp, đọc hiểu tài liệu tiếng Anh | PLO7,8 |
| CLO5 | Tăng cường kỹ năng tư duy, phân tích vấn đề, đặc biệt là kỹ năng ước tính các khoản chi phi liên quan đến phân tích lợi ích – chi phí | PLO9,12 |
| **Thái độ và phẩm chất đạo đức** | | |
| CLO6 | Tích cực tham gia trên lớp và chủ động tự học, có trách nhiệm với môi trường và xã hội | PLO13,14 |

**IV. Phương pháp giảng dạy và học tập**

1. Phương pháp giảng dạy:

* *Thuyết giảng*
* *Thảo luận nhóm*
* *Bài tập nhóm*

1. Phương pháp học tập

* *Sinh viên tham gia nghe giảng, thảo luận nhóm*
* *Sinh viên tự tìm số liệu để hoàn thành bài tập nhóm*

**V. Nhiệm vụ của sinh viên**

* *Chuyên cần:* Sinh viên được yêu cầu phải tham dự đầy đủ các buổi học trên lớp. Trong trường hợp không tham dự được phải có xin phép. Tuy nhiên, số giờ vắng mặt không vượt quá 20% tổng thời gian học*.*
* Sinh viên phải làm bài tập nhóm (làm theo nhóm 5 - 10 người), và báo cáo kết quả bằng hình thức seminar.
* *Chuẩn bị cho bài giảng: Sinh viên phải đọc trước các bài giảng và các tài liệu có liên quan do giảng viên cung cấp, phát triển các giả định và câu hỏi liên quan.*
* *Thái độ: tích cực tham gia thảo luận, đặt câu hỏi.*

**VI. Đánh giá và cho điểm**

1. Thang điểm: 10
2. Kế hoạch đánh giá và trọng số

**Bảng 1. Matrix đánh giá CĐR của học phần (***tỷ lệ điểm**theo quy chế học vụ của trường ĐHNL TP.HCM***)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các CĐR của học phần** | **Chuyên cần** | **Bài tập nhóm** | **Thi cuối kỳ**  **(50%)** |
| **(20%)** | **(30%)** |
| CLO1 |  | x | x |
| CLO2 | x | x | x |
| CLO3 |  | x | x |
| CLO4 | x | x |  |
| CLO5 |  | x | x |
| CLO6 | x |  |  |

***Lưu ý:*** *Các hình thức tính điểm quá trình (chuyên cần, thuyết trình, thi giữa kỳ...) là ví dụ minh họa. GV chủ động áp dụng phương pháp đánh giá điểm quá trình và đảm bảo theo đúng quy định tại quy chế học vụ.*

**Bảng 2. Rubric đánh giá học phần**

***Lưu ý****: Học phần giảng dạy có bao nhiêu hình thức đánh giá thì phải có hình thức đánh giá tương ứng (tham khảo bảng Rubric đánh giá học phần mẫu 5.10)*

1. **Tham dự lớp học:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Tiêu chí*** | **Tỉ lệ** | **Rất tốt** | **Đạt yêu cầu** | **Không chấp nhận** |
| *Từ 9-10* | *Từ 5-8* | *0-4* |
| Hiện diện trên lớp | 50 | Tham gia 100 % buổi học | Tham gia >70% buổi học | Tham gia =<70% buổi học |
| Tích cực | 50 | Tham gia nhiệt tình khi trao đổi trên lớp, phát  biểu và trả lời nhiều câu  hỏi | Không đặt/trả lời câu hỏi | Không trả lời ngay cả khi được chỉ định |

1. **Bài tập**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Tiêu chí*** | **Tỉ lệ** | **Rất tốt** | **Đạt yêu cầu** | **Không chấp nhận** |
|  |  | Từ 9-10 | 5-8 | *Dưới 5* |
| Thực hiện bài tập | 100% | Đúng hạn, đúng định dạng, chất lượng tốt,  trình bày rõ ràng, hợp lý và dễ hiểu. | Đúng hạn, đúng định dạng, chất lượng khá  hoặc trình bày chưa rõ ràng, hợp lý và dễ hiểu. | Không đúng hạn, đúng định dạng, chất lượng kém (sai) và trình bày chưa rõ ràng, chưa hợp lý; hoặc sao chép |

1. **Thi cuối kỳ:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Dạng câu hỏi** | **Rất tốt** | **Đạt yêu cầu** | **Không chấp nhận** |
| *Từ 8-10* | *Từ 5-7* | *Dưới 4* |
| Các câu hỏi tự luận | Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả  năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo | Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể  hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề;  không có/ ít thể hiện sáng tạo | Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo |

**VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo**

* + *Sách giáo trình/Bài giảng:*
  + Giáo trình/Nội dung Bài giảng: ThS Vũ Thị Hồng Thủy, *Kinh tế môi trường*, Trường Đại học Nông Lâm Tp.HCM.
  + *Tài liệu tham khảo khác:*
  + Barry C.fiefd, Mc.Graw-Hill, 1997, *Environmental Economics*.
  + David P., Kerry T.R., lan B. 1995, *Giới thiệu cơ bản về kinh tế môi trường*, Tài liệu phục vụ cho lớp học Kinh tế Môi trường do EEPSEA tài trợ, dịch từ nguyên tác.
  + John A.D., Maynard M.H, 1990, *Economic valuation techniques for the Environment*. John Hopkins University, USA.
  + Lê thị Hường, 1999, *Kinh tế môi trường*, NXB Khoa học Kỹ thuật.
  + PGS.TS. Hoàng Xuân Cơ, 2005, *Giáo trình kinh tế môi trường*, NXB Giáo dục.
  + TS. Nguyễn Văn Song, TS. Vũ Thị Phương Thụy, 2006, *Giáo trình kinh tế tài nguyên môi trường*, NXB Giáo dục.

**VIII. Nội dung chi tiết của học phần :**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/ Chương** | **Nội dung** | **CĐR chi tiết (LLOs)** | **Hoạt động dạy và học** | **Hoạt động đánh giá** | **CĐR học phần (CLOs)** |
| 1 | Tổng quan về Kinh tế và Môi trường | Hiểu được các khái niệm cơ bản về kinh tế môi trường, bao gồm:   * Kinh tế môi trường là gì? * Các khái niệm kinh tế cơ bản * Mối liên quan giữa kinh tế và môi trường * Tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững | Thuyết giảng | Chuyên cần  Thi cuối kỳ | CLO1,6 |
| 2 | Kinh tế tài nguyên | Hiểu được các kiến thức cơ bản về kinh tế tài nguyên:   * Phân bổ tài nguyên * Tài nguyên tái tạo * Tài nguyên không tái tạo | Thuyết giảng  Thảo luận  Bài tập nhóm | Chuyên cần  Thi cuối kỳ  Bài tập | CLO1,4,6 |
| 3 | Kiểm soát ô nhiễm | Nhận diện được mối liên hệ giữa ô nhiễm môi trường & phát triển kinh tế; áp dụng được các công cụ chính sách kinh tế trong quản lý môi trường:   * Ô nhiễm môi trường và phát triển kinh tế * Phân tích chi phí – lợi ích * Các công cụ chính sách kinh tế | Thuyết giảng  Thảo luận  Bài tập nhóm | Chuyên cần  Thi cuối kỳ  Bài tập | CLO2,4,5,6 |
| 4 | Các công cụ đánh giá môi trường | Tìm hiểu và ứng dụng được các công cụ đánh giá môi trường   * Phương pháp đánh giá ngẫu nhiên * Phương pháp chi phí du hành * Phương pháp đánh giá thụ hưởng * Thuyết chuyển dịch lợi ích | Thuyết giảng  Thảo luận  Bài tập nhóm | Chuyên cần  Thi cuối kỳ  Bài tập | CLO 3,4,5,6 |
| 5 | Báo cáo kết quả bài tập nhóm | Mỗi nhóm thực hiện một bài báo cáo trên lớp, phân tích một chủ đề là một tình huống về quản lý – xử lý ô nhiễm môi trường trong thực tế | Bài tập nhóm | Chuyên cần  Bài tập | CLO4,5,6 |

**IX. Hình thức tổ chức dạy học :**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Nội dung | Hình thức tổ chức dạy học môn học (tiết) | | | | | Tổng |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | TH/TT | Tự học |
| Tổng quan về kinh tế và môi trường | 3 | 0 | 3 |  | 10 | 6 |
| Kinh tế tài nguyên | 3 | 0 | 1 |  | 5 | 4 |
| Kiểm soát ô nhiễm | 6 | 3 | 3 |  | 10 | 12 |
| Các công cụ đánh giá môi trường | 3 | 0 | 2 |  | 5 | 5 |
| Báo cáo kết quả bài tập nhóm | 0 | 3 | 0 |  |  | 3 |
| TỔNG | 15 | 6 | 9 |  |  | **30** |

**X. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:**

* Phòng học, thực hành:
* Phương tiện phục vụ giảng dạy:

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng ... năm 201..*

**TRƯỞNG KHOA TRƯỞNG BỘ MÔN GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**

*LÊ QUỐC TUẤN NGUYỄN LINH VŨ NGUYỄN KIM HUỆ*